

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 1408/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 -2019
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:** Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 926/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 677/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Mộng T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ A, khu phố B, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1980.

Nơi cư trú cuối cùng: tổ A, khu phố B, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt); Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Huỳnh Mộng T trình bày:*

Bà và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08 tháng 11 năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 184, quyển số 01/07, do Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ cấp ngày 08 tháng 11 năm 2007). Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 9 năm 2008, ông Đ bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay.

Mặc dù đã nhiều lần tìm kiếm và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì về ông Đ nên bà yêu cầu tuyên bố ông Đ mất tích. Ngày 12 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 321/2019/QĐDS-ST, tuyên bố ông Đ mất tích.

Nay bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ hiện đã mất tích nên yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Về phía bị đơn là ông Trần Văn Đ:*

Ông Đ bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên bố mất tích từ tháng 6 năm 2019 theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 321/QĐDS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019. Đồng thời, Công an phường H, quận Đ cũng xác nhận ông Đ đi đâu không rõ từ tháng 9 năm 2008 đến nay.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ theo quy định pháp luật, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

Nguyên đơn bà Huỳnh Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đ phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Mộng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại, tổ A, khu phố B, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên bố mất tích từ tháng 6 năm 2019 và không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Mộng T và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08 tháng 11 năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 184, quyển số 01/07, do Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ cấp ngày 08 tháng 11 năm 2007), nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn ông Đ: Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ bỏ đi từ năm 2008 đến nay, không chung sống với bà T và đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 321/QĐDS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, không có tin tức gì kể từ khi Tòa án tuyên bố ông Đ mất tích cho đến nay, thể hiện vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông Đ không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn ông Đ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Mộng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0003683 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Mộng T được ly hôn ông Trần Văn Đ (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184, quyển số 01/07, do Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 11 năm 2007).

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Mộng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0003683 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Mộng T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS Quận Thủ Đức;
- UBND P.H, Q.Đ;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Anh